

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Bản án số: 134/2018/HS-ST

Ngày: 15- 8- 2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Lê Tuyết Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương
2. Ông Huỳnh Quang Vũ

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Lê Bá Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 127/2018/TLST- HS ngày 11 tháng 07 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2018/QĐXXST- HS ngày 02/8/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn N (tên gọi khác: Tr); sinh ngày 16/12/1992 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; Nơi cư trú: Lô G1, khu định cư L, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn A và bà Lê Thị G; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con út; có vợ Hà Phương Anh T, sinh năm 1995, có 01 con (sinh năm 2016); tiền án: 01 tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, đi học văn hoá lớp 9/12 thì nghỉ học. Ngày 15/6/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội: “ Trộm cắp tài sản” (Bản án số 126/2017/HSST). Ngày 07/3/2018, chấp hành xong hình phạt tù. Bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 28/4/2018; sau đó bị khởi tố, chuyển tạm giam cho đến nay; “có mặt”.

- Bị hại: Anh Đặng Văn V; sinh năm 1990; nơi cư trú: số 123 đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, “ vắng mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn A; sinh năm 1943, nơi cư trú: Lô G1, khu định cư L, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, “có mặt”

- Người làm chứng:

Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1985; nơi cư trú: Lô G1, khu định cư L, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, “vắng mặt”

Ông Huỳnh Tâm Q; sinh năm 1958; nơi cư trú: số 144 đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 28/4/2018, Nguyễn N đi bộ vào kiệt 69 đường P, phường K, thành phố H thì nhìn thấy có chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen trắng, biển số 75B1-XXX.XX của Anh Đặng Văn V đang dựng ở ngoài cổng, trước bờ tường nhà số 8. N đứng quan sát xung quanh thấy không có ai, liền lết lút lấy chìa khóa treo trên tay phanh phía bên phải của xe, rồi mở khóa điện khởi động nổ máy, điều khiển xe tẩu thoát. Ngăn đem xe đến kiệt số 4 đường P, phường K, thành phố H (gần quán mề xúng C) cất giấu. Tiếp đó, N về nhà gặp anh trai mình là Nguyễn Đức D hỏi: “ Có người bạn muốn cầm xe, anh có cầm không”. Anh D đi hỏi vợ mình là Trần Thị C thì được chị C trả lời là không có tiền, nên không nhận cầm. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, N nhờ Anh D chở đến kiệt số 4 đường P để N vào lấy xe, rồi cùng với Anh D đi sang chợ A, để N vào gửi xe, xong Anh D chở N về nhà. Sau đó, N mượn chiếc xe máy hiệu Honda Dame màu xanh, biển số 75FB-YYYY của cha mình là ông Nguyễn A đi sang chợ A với mục đích lấy xe mô tô đã lấy trộm trước đó đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Khi N vào khu giữ xe của chợ dắt chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen trắng, biển số 75B1-XXX.XX ra ngoài, thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen trắng, biển số 75B1-XXX.XX

- 01 (một) chiếc xe máy hiệu Honda Dame màu xanh, biển số 75FB-YYYY.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 241/KL ngày 30/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen trắng, biển số 75B1-XXX.XX có trị giá là: 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại các tài sản thu giữ cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan đến vụ án. Anh Đặng Văn V và ông Nguyễn A đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra truy tố, bị cáo Nguyễn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 127/CT- VKS ngày 09 tháng 07 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố Nguyễn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn N mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại các tài sản thu giữ cho anh Việt và ông An. Anh Đặng Văn V và ông Nguyễn A đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 28/4/2018, tại nhà số 8 kiết 69 đường P, phường K, thành phố H; Nguyễn N đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt của Anh Đặng Văn V một chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen trắng, biển số 75B1-XXX.XX có giá trị: 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Do đó bị cáo Nguyễn N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo Nguyễn N tại bản cáo trạng số 127/CT- VKS ngày 09 tháng 7 năm 2018 là có căn cứ pháp luật.

[2] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Nguyễn N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do bị cáo tham lam, muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng nhưng lười lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự địa phương nên cần phải xử lý nghiêm để có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân bị cáo: Bị cáo Nguyễn N có nhân thân xấu, có 01 tiền án nhưng bị cáo không chịu rèn luyện tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn N có 01 tiền án chưa xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ pháp luật.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Anh Đặng Văn V và ông Nguyễn A đã nhận lại đầy đủ tài sản không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận điều tra và bản cáo trạng nên các hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn N (tên gọi khác: Tr) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 28/4/2018.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 /2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Công an TP Huế;
- Sở tư pháp;
- Phòng PV 27 Công an TT Huế;
- Bị cáo; bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Lê Tuyết Linh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM**

THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 16 tháng 02 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tuyết Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vỵ và bà Trần Bích Thủy

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vào hồi giờ phút ngày 16 tháng 02 năm 2017 tại phòng nghị án .
Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự : Trần Quang
Thắng “ Lam dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1.Về tội danh: Bị cáo Trần Quang Thắng (tên khác: Cu Ba) phạm tội” Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về điều luật áp dụng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140. Các điểm b, p khoản Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự ; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 22 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH 12.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Quang Thắng về tội”
Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính
từ ngày tam giam 21/10/2016.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Các vấn đề khác:

Về xử lý vật chứng: Đã trả lại cho chủ sở hữu , không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa